

Bản án số: 72/2025/KDTM-ST

Ngày: 23-6-2025

V/v tranh chấp kinh doanh thương
mại về hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Quế Nhung
- Ông Nguyễn Văn Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 548/2025/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 739/2025/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T
Trụ sở: Số C, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lý Thế Đ, sinh ngày 12/10/1992, CCCD số 001092017845 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 06/12/2019; Thường trú: Thôn X, xã Q, huyện Ú, Thành phố Hà Nội, là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 13/02/1973, CCCD số 001173020193 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 02/4/2022; Thường trú: Thôn X, xã Q, huyện Ú, Thành phố Hà Nội; Tạm trú: K4, Ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 000082, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/01/2024 do Văn phòng C1).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần X

Địa chỉ: B đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 12/9/1969, CMND số 040069006620 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 24/6/2022; Thường trú: 8/81 Đường số A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ làm việc: 265 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo pháp luật của bị đơn.

(Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn C, sinh ngày 17/7/1968, CCCD số 026068000887 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 07/5/2023.

Thường trú: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ nơi ở: 97 đường T, Tổ I, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 02/8/2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (Sau đây gọi tắt là công ty T) và Công ty Cổ phần X (Sau đây gọi tắt là công ty X) có ký hợp đồng mua bán hàng hóa sau:

- Diềm sữa K300 5dem, đơn vị tính bằng mét, số lượng là 10 tấm, chiều dài là 5m, tổng số mét là 50m, đơn giá là 51.500 đồng, thành tiền là 2.575.000 đồng;
- Nóc gió K600 5dem, đơn vị tính bằng mét, số lượng là 18 tấm, chiều dài là 5,25m, tổng số mét là 94,5m, đơn giá là 71.400 đồng, thành tiền là 6.747.000 đồng;
- Diềm đầu hồi K300 5dem, đơn vị tính bằng mét, số lượng là 02 tấm, chiều dài là 5,5m, tổng số mét là 11m, đơn giá là 71.400 đồng, thành tiền là 785.000 đồng;

- Cách nhiệt túi khí, đơn vị tính bằng cuộn, số lượng là 57 tấm, đơn giá là 1.150.000 đồng, thành tiền là 65.500.000 đồng;

- Nhựa sáng 3 lớp, đơn vị tính bằng mét, số lượng là 422 tấm, chiều dài là 2,1m, tổng số mét là 886,2m, đơn giá là 129.000 đồng, thành tiền là 114.319.000 đồng;

- Vít 2,5P, đơn vị tính bằng bịch, số lượng là 47 bịch, đơn giá là 71.400 đồng, thành tiền là 3.525.000 đồng;

- Vít 5P, đơn vị tính bằng bịch, số lượng là 06 bịch, đơn giá là 80.000 đồng, thành tiền là 480.000 đồng;

- Xe + thuê máy móc, đơn vị tính bằng chuyến, số lượng là 01 chuyến, thành tiền là 15.000.000 đồng;

Tổng giá trị hợp đồng là 208.981.000 (Hai trăm lẻ tám triệu chín trăm tám mươi một ngàn) đồng bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (VAT). Công ty X đã chuyển khoản vào số tài khoản công ty A – Ngân hàng V để đặt cọc cho công ty T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Sau đó, ông Nguyễn Văn H – đại diện theo pháp luật của công ty X có gọi điện thoại cho ông Lý Thế Đ - đại diện theo pháp luật của công ty A1 các mặt hàng nói trên sang các loại hàng hóa sau:

- Tôn trắng sữa 5dem hoa sen kiplock;
- Tôn trắng sữa 5dem hoa sen kiplock;
 - Tôn trắng sữa 5dem hoa sen kiplock dập vòm;
 - Diềm trắng sữa hoa sen;
 - Diềm nóc gió trắng sữa hoa sen;
 - Diềm đầu hồi trắng sữa hoa sen;
 - C60x180 mạ kẽm 1ly80;
 - C60x180 mạ kẽm 1ly80;
 - C60x180 mạ kẽm 1ly80;
- Tôn nhựa sáng 3 lớp 9 sóng;
- Cuộn cách nhiệt cát tường;
- Đai kiplock;
- Vít 2,5 phân;
- Vít 5 phân;
- Vận chuyển 02 chuyến.

Hai bên chỉ giao dịch qua điện thoại mà không ký thêm văn bản hay phụ lục hợp đồng.

Ngày 18/8/2022, công ty T chuyển giao đầy đủ hàng (như thỏa thuận thay đổi mặt hàng hai bên đã trao đổi qua điện thoại) cho công ty X. Phía công ty X có ông Bùi Văn C ký xác nhận nhận hàng.

Khoảng cuối tháng 8/2022, công ty X (do ông Bùi Văn C ký tên) trả lại một số mặt hàng đã nhận ngày 18/8/2022 cho công ty T gồm:

- Tôn trắng sữa 5dem hoa sen kiplock;
- Tôn trắng sữa 5dem hoa sen kiplock;
- Tôn trắng sữa 5dem hoa sen 5 sóng vòm;
- C60x180 mạ kẽm 1ly80;
- C60x180 mạ kẽm 1ly80;
- Tôn nhựa sáng 3 lớp 9 sóng;
- Dai kiplock;

Tổng cộng đơn hàng là 208.981.100 đồng bao gồm thuế VAT.

Tháng 10/2023, công ty X yêu cầu công ty T xuất hóa đơn VAT cho công ty X nhưng yêu cầu ghi trong hóa đơn mặt hàng chỉ là tôn lạnh màu trắng 0,49mm x 1219, đơn giá 22.500 đồng, đơn vị tính là kilogam (kg), số lượng là 8.443.676.768. Phía công ty T đồng ý yêu cầu này của công ty X và xuất hóa đơn ngày 10/10/2022.

Sau đó, phía công ty T đã nhiều lần yêu cầu công ty X trả tiền mua hàng còn thiếu nhưng không có phản hồi.

Nay công ty T yêu cầu công ty X trả tiền mua hàng còn thiếu là 108.981.000 đồng.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ kiện.

* Về ý kiến, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 7 năm 2024, ông Bùi Văn C trình bày: Tháng 6/2022, ông là đội trưởng đội thi công một số hạng mục có ký hợp đồng giao khoán với công ty X. Theo đó, ông C cung cấp nhân công, dụng cụ, thiết bị cầm tay, thi công sơn nước, rào làm mới, lợp mái tôn công trình nhà xưởng lô B15-4 tại khu công nghiệp H, quận C, Cần Thơ. Thời hạn thực hiện là 06 tháng, từ ngày 01/6/2022 đến 31/12/2022. Ngày 20/8/2022, ông được ông Nguyễn Văn H – đại diện theo pháp luật của công ty X giao nhận lô hàng như trình bày của công ty T. Ông chỉ xác nhận sự việc như vậy, còn tranh chấp giữa hai công ty xảy ra thì ông không có ý kiến gì. Ông xin Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự. Viện kiểm sát có kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Các yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn là pháp nhân, hoạt động kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận khi giao kết hợp đồng. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hàng hóa còn thiếu phát sinh từ hợp đồng đã được các bên ký kết nên đây là "Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa".

[1.2] Các bên thỏa thuận trong hợp đồng Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ; Hồ sơ thể hiện, hợp đồng được thực hiện tại quận C, thành phố Cần Thơ nên việc thỏa thuận này của các bên đương sự là không đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do vậy, sau khi có tranh chấp xảy ra, nguyên đơn chọn Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi bị đơn có trụ sở chính – Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Hồ sơ thể hiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án hợp đồng kinh tế không số ngày 02/8/2022 giữa công ty T và công ty X. Hợp đồng có chữ ký số của công ty T, không có xác nhận của công ty X. Theo trình bày của nguyên

đơn, sau khi công ty T gửi hợp đồng cho công ty X, đại diện theo pháp luật của công ty X gọi điện thoại đồng ý với nội dung hợp đồng, đồng thời, ký Ủy nhiệm chi ngày 03/8/2022 chuyển cho công ty T số tiền cọc 100.000.000 đồng. Nhận thấy, hành vi chuyển cọc cụ thể của đại diện theo pháp luật của bị đơn thể hiện sự đồng ý của bị đơn đối với hợp đồng kinh tế lập ngày 02/8/2022. Bị đơn không phản đối yêu cầu của nguyên đơn, có cơ sở xác định các bên có giao dịch mua bán hàng hóa theo hợp đồng kinh tế lập ngày 02/8/2022 như trình bày của nguyên đơn, phù hợp Điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

[2.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên có thay đổi nội dung của hợp đồng về loại hàng hóa và số lượng nhưng không ký phụ lục hợp đồng là vi phạm quy định tại khoản 6.1 Điều 6 của hợp đồng. Tuy nhiên, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại các khoản 2 và 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có căn cứ chấp nhận trình bày của nguyên đơn về việc các bên có sự thay đổi về loại hàng hóa thông qua thỏa thuận qua điện thoại giữa đại diện theo pháp luật của pháp nhân hai bên.

[2.3] Vào các ngày 18 và 20/8/2022, công ty T có giao hàng theo Biên bản giao hàng ngày 18/8/2022 cho công ty X tại địa điểm các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với khoản 3.3 Điều 3 hợp đồng và đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Thương mại năm 2005. Loại hàng hóa được giao theo thỏa thuận bằng lời nói qua phương thức điện thoại như nguyên đơn trình bày. Đồng thời, phía công ty X có xác nhận loại, số lượng hàng nhận và trả theo các biên bản lập ngày 20/8/2022. Các biên bản giao nhận này có ông Bùi Văn C thay mặt công ty X ký nhận. Theo quy định tại khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng, công ty X có trách nhiệm cử nhân viên nhận hàng và ký biên bản giao nhận hàng mà không nói rõ họ tên nhân viên. Ông C là bên được công ty X giao khoán các công việc thi công công trình về lợp mái, cung cấp nhân công... Các công việc này có sử dụng các nguyên vật liệu mà công ty T bán cho công ty X. Đồng thời, bị đơn không có văn bản phản hồi về đơn khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, mặc dù ông C không phải là nhân viên công ty X nhưng với những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận trình bày của ông C về việc ông được công ty X giao nhiệm vụ nhận và ký vào các biên bản giao nhận và trả hàng cho công ty T vào các ngày 18 và 20/8/2022 nói trên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 34 Luật Thương mại năm 2005, xác định nguyên đơn đã giao hàng theo đúng thỏa thuận.

[2.4] Mặc dù tổng giá trị hàng hóa theo biên bản giao hàng ngày 18/8/2022 là 208.921.000 đồng là có chênh lệch so với biên bản giao hàng ngày 20/8/2022 là 208.981.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn xác định lại số liệu có sai sót là do lỗi của đánh máy về số tiền của diêm nóc gió trắng sữa

hoa sen và tôn nhựa sáng ba lớp 9 sóng. Tổng giá trị hàng hóa đã giao số liệu chính xác là 208.981.000 đồng. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, nhận thấy, các nguyên vật liệu và dịch vụ mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn tại biên bản giao hàng ngày 18/8/2022, 20/8/2022 là phù hợp với các nguyên vật liệu và dịch vụ mà các bên đã thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng. Như vậy, xác định nguyên đơn đã giao hàng theo thỏa thuận tại các điều 3 và 5 của hợp đồng.

[2.4] Tại khoản 4.1 Điều 4 của hợp đồng quy định, bên mua phải có nghĩa vụ “Thanh toán giá trị còn lại đơn hàng ngay khi xe vào kho bên A nhận hàng”. Bên mua đã nhận hàng và trả một số mặt hàng như biên bản ngày 18 và 20/8/2022 nhưng không có khiếu nại gì liên quan đến hàng hóa và chứng từ thanh toán thì bên mua phải thanh toán tiền hàng cho bên bán theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005. Xét hóa đơn giá trị gia tăng số 00000274 ngày 10/10/2022: Đây là một trong các loại chứng từ thanh toán quy định tại khoản 4.2 Điều 4 của hợp đồng. Mặc dù tên hàng hóa ghi trong hóa đơn không đúng với hàng hóa các bên thỏa thuận trong hợp đồng và thực tế giao dịch là vi phạm quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ nhưng đây là trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên đối cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thuế. Trong giao dịch này, bên bán đã giao hàng và bên mua đã nhận hàng. Khi nhận hàng và hóa đơn, phía bên mua không phản đối nên bên mua phải thanh toán cho bên bán tiền hàng còn thiếu.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là: 108.981.000 đồng x 5% = 5.449.050 đồng;

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các khoản 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, các điều 24, 34, 50 và 306 của Luật Thương mại năm 2005 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014);

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc Công ty Cổ phần X phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T tiền mua hàng còn thiếu của “Hợp đồng kinh tế” không số ngày 02/8/2022. Số tiền phải thanh toán là 108.981.000 (Một trăm lẻ tám triệu chín trăm tám mươi một ngàn) đồng;

1.2. Kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty Cổ phần X còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần X phải chịu án phí là 5.449.050 (Năm triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn không trăm năm mươi) đồng;

2.2. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T 3.000.000 (Ba triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021652 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12 ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Số: 2899/2025/QĐ-SCBSBA

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Xét cần sửa chữa, bổ sung do lỗi rõ ràng về chính tả trong bản án số: 72/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh) về việc “Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa”, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T
Trụ sở: Số C, khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lý Thế Đ, sinh ngày 12/10/1992, CCCD số 001092017845 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 06/12/2019; Thường trú: Thôn X, xã Q, huyện Ú, Thành phố Hà Nội, là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 13/02/1973, CCCD số 001173020193 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 02/4/2022; Thường trú: Thôn X, xã Q, huyện Ú, Thành phố Hà Nội; Tạm trú: K4, Ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 000082, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/01/2024 do Văn phòng C1).

2. *Bị đơn*: Công ty Cổ phần X

Địa chỉ: B đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 12/9/1969, CMND số 040069006620 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 24/6/2022; Thường trú: 8/81 Đường số A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ làm việc: 265 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo pháp luật của bị đơn.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Bùi Văn C, sinh ngày 17/7/1968, CCCD số 026068000887 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 07/5/2023.

Thường trú: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ nơi ở: 97 đường T, Tổ I, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số: 72/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

Tên nguyên đơn trong toàn bộ bản án đã ghi: “Công ty Trách nhiệm hữu hạn T”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Công ty TNHH Một thành viên T”.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 7 - TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 7 - TPHCM;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh